TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 973/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 21 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 132/2023 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/11/2023;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 729/2025/HNST ngày 28/3/2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Trương Thị Thùy N, sinh năm 1995.

HKTT: K478 H29/11, tổ G, đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ: Nhà không số, đường L, Khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông Phạm Thanh Q, sinh năm 1995.

HKTT: Số C đường L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 11 tháng 4 năm 2025, bà Trương Thị Thùy N và ông Phạm Thanh Q thỏa thuận:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thùy N và ông Phạm Thanh Q thuận tình ly hôn. Về con chung: Không có. Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà N và ông Q phải nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thùy N, sinh năm 1995 và ông Phạm Thanh Q, sinh năm 1995 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

1.4. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà N và ông Q phải nộp nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng bà N và ông Q đã nộp theo Biên lai thu số 0073884 ngày 28/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà N và ông Q đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh